UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education, ISSN: 1859 - 4603
https://doi.org/10.47393/jshe.v15.i2.3678

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN VÀ CAN THIỆP DỰA VÀO BẠN TRONG GIÁO DỤC KỸ NĂNG XÃ HỘI CHO HỌC SINH RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC: TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU

Mai Thị Thanh Thủy
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế
Tác giả liên hệ: Mai Thị Thanh Thủy - Email: maithithanhthuy@dhsphue.edu.vn
Ngày nhận bài: 13-8-2025; ngày nhận bài sửa: 05-11-2025; ngày duyệt đăng: 07-11-2025

Tóm tắt: Hướng dẫn và can thiệp dựa vào bạn (Peer-Mediated Instruction and Intervention - PMII) là một chiến lược hiệu quả trong việc hỗ trợ học sinh rối loạn phổ tự kỷ (RLPTK) phát triển kỹ năng xã hội trong môi trường giáo dục hòa nhập. Bài viết tổng quan 11 nghiên cứu thực nghiệm được thực hiện trong bối cảnh trường tiểu học, tập trung vào các hình thức PMII như nhóm hỗ trợ bạn bè, trò chơi có hướng dẫn và huấn luyện kỹ năng xã hội thông qua bạn cùng trang lứa. Kết quả cho thấy PMII giúp cải thiện đáng kể tương tác xã hội, khởi xướng và phản hồi giao tiếp của học sinh RLPTK. Tổng quan nhấn mạnh vai trò tích cực của giáo viên, sự chuẩn bị cho bạn đồng trang lứa và môi trường lớp học thân thiện trong việc nâng cao hiệu quả can thiệp, đồng thời đề xuất tiềm năng áp dụng phương pháp này trong thực tiễn giáo dục tiểu học tại Việt Nam.

Từ khóa: hướng dẫn và can thiệp dựa vào bạn; rối loạn phổ tự kỷ; kỹ năng xã hội; tiểu học; tổng quan.

1. Mở đầu

Kỹ năng xã hội (KNXH) đóng vai trò thiết yếu trong sự phát triển toàn diện của học sinh, đặc biệt đối với học sinh rối loạn phổ tự kỷ (RLPTK). Học sinh RLPTK thường gặp những khó khăn nghiêm trọng trong ngôn ngữ, tương tác xã hội và hành vi, dẫn đến sự suy giảm các KNXH - một trong những thách thức cốt lõi, phức tạp và khó vượt qua nhất (Kasari và cộng sự, 2012). Sự thiếu hụt này không chỉ làm gia tăng nguy cơ bị cô lập xã hội mà còn làm giảm triển vọng gắn kết với cộng đồng học đường (Miller và cộng sự, 2015). Bên cạnh đó, nhu cầu xã hội của học sinh RLPTK có xu hướng gia tăng theo độ tuổi và cấp học, đồng thời các thách thức trong tương tác xã hội cũng trở nên phức tạp hơn (Carter và cộng sự, 2014). Những hạn chế trong KNXH không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình học tập, sự tham gia xã hội, sức khỏe tâm thần và hành vi của học sinh, mà còn có thể cản trở sự thành công lâu dài trong các lĩnh vực như mối quan hệ xã hội, việc làm, sức khỏe và giáo dục sau phổ thông (Silveira-Zaldivar, 2019; Munkhaugen và cộng sự, 2017). Ngoài ra, nghiên cứu của Zablotsky và cộng sự (2015) cho thấy sự thiếu hụt KNXH ở học sinh RLPTK còn ảnh hưởng đến cả người chăm sóc, bao gồm cha mẹ, giáo viên và các thành viên cộng đồng.

Trong bối cảnh đó, phương pháp hướng dẫn và can thiệp dựa vào bạn (Peer-Mediated Instruction and Intervention - PMII) đã được ghi nhận như một chiến lược hiệu quả nhằm thúc đẩy sự phát triển KNXH ở học sinh RLPTK trong môi trường giáo dục hòa nhập (Bass & Mulick, 2007; Reichow & Volkmar, 2010). PMII vận dụng các bạn đồng trang lứa điển hình để làm mẫu hành vi xã hội phù hợp, hỗ trợ tương tác tự nhiên và tạo điều kiện thực hành KNXH trong môi trường học đường, nơi bạn bè thường xuyên hiện diện (Chan và cộng sự, 2009). Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng việc áp dụng PMII giúp học sinh RLPTK cải thiện đáng kể về các khía cạnh như tương tác xã hội, kỹ năng giao tiếp lời nói và phi

Cite this article as: Mai, T. T. T.(2025). Application of peer-mediated instruction and intervention in social skills education for students with autism spectrum disorder in primary schools: literature review. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, *15*(02), 113-120. https://doi.org/10.47393/jshe.v15.i2.3678

ngôn ngữ, kỹ năng chơi luân phiên, cũng như tăng cường tình bạn trong lớp học (Bass & Mulick, 2007; Kasari và cộng sự, 2012). Việc hình thành và phát triển KNXH cho học sinh nói chung, và học sinh RLPTK nói riêng, là một nhiệm vụ cấp thiết, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng hòa nhập xã hội cho các em.

Với sự gia tăng các bằng chứng thực nghiệm thuyết phục, phương pháp hướng dẫn và can thiệp dựa vào bạn ngày càng được xem là một chiến lược hiệu quả, dễ thực hiện và phù hợp với định hướng giáo dục hòa nhập ở cấp tiểu học. Bài viết này tập trung tổng hợp và phân tích các nghiên cứu về ứng dụng PMII trong môi trường trường tiểu học, qua đó làm rõ những đặc điểm nổi bật, xu hướng triển khai và giá trị thực tiễn của phương pháp này trong việc hỗ trợ phát triển KNXH cho học sinh RLPTK. Đồng thời, bài viết cũng góp phần cung cấp cơ sở lý luận cần thiết nhằm định hướng cho các nghiên cứu và thực hành can thiệp trong bối cảnh giáo dục Việt Nam.

2. Các khái niệm liên quan

2.1. Rối loạn phổ tự kỷ

Rối loạn phổ tự kỷ là một rối loạn phát triển thần kinh được đặc trưng bởi những thiếu hụt dai dẳng trong giao tiếp và tương tác xã hội trên nhiều bối cảnh, cùng với các kiểu hành vi, sở thích hoặc hoạt động mang tính hạn chế, lặp đi lặp lại. Các triệu chứng này phải có mặt từ thời kỳ phát triển sớm, gây ra những suy giảm đáng kể trong chức năng xã hội, nghề nghiệp hoặc các lĩnh vực quan trọng khác, và không thể được giải thích tốt hơn bởi khuyết tật trí tuệ hoặc chậm phát triển toàn diện (American Psychiatric Association, 2013).

2.2. Kỹ năng xã hội

Theo Gresham và Elliott (1990), KNXH được hiểu là "những hành vi được xã hội chấp nhận, giúp cá nhân thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội tích cực, đồng thời góp phần vào sự thành công trong học tập và đời sống". Định nghĩa này nhấn mạnh vai trò chức năng của KNXH như một yếu tố trung tâm giúp cá nhân hòa nhập vào môi trường xã hội, thích nghi với các chuẩn mực hành vi trong bối cảnh giáo dục, cũng như hỗ trợ sự phát triển toàn diện. Trên cơ sở đó, Gresham (2015) đã cụ thể hóa cấu trúc của KNXH thông qua năm thành tố hành vi cốt lõi: (1) khởi xướng tương tác xã hội, (2) duy trì hội thoại, (3) lắng nghe tích cực, (4) tuân thủ các quy tắc xã hội, và (5) giải quyết xung đột một cách phù hợp. Các thành tố này đều là những hành vi có thể quan sát được, có khả năng dạy học có hệ thống và đánh giá được thông qua các công cụ đo lường hành vi xã hội.

2.3. Giáo dục kỹ năng xã hội

Giáo dục KNXH cho học sinh RLPTK là một quá trình mang tính mục tiêu và hệ thống, nhằm hình thành và củng cố những hành vi xã hội phù hợp, giúp học sinh tương tác hiệu quả trong môi trường học đường và cộng đồng. Theo Nguyễn Thị Thu Hạnh (2017), đây là quá trình hỗ trợ học sinh phát triển năng lực nhận thức xã hội, kỹ năng giao tiếp và khả năng thích nghi trong các mối quan hệ xã hội. Từ góc độ chuyên biệt hơn, Đỗ Thị Thảo và Hà Thị Mai Hoa (2016) nhấn mạnh rằng giáo dục KNXH là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống của nhà giáo dục tới học sinh RLPTK thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm hình thành, rèn luyện cho học sinh khả năng tương tác và xây dựng mối quan hệ với người khác. Như vậy, phát triển KNXH không chỉ giúp cải thiện hành vi cụ thể mà còn là nền tảng quan trọng cho quá trình hòa nhập và phát triển toàn diện của học sinh trong bối cảnh giáo dục hiện nay.

2.4. Phương pháp hướng dẫn và can thiệp dựa vào bạn (Peer-Mediated Instruction and Intervention - PMII)

Phương pháp hướng dẫn và can thiệp dựa vào bạn (PMII) là một nhóm chiến lược can thiệp trong đó các bạn đồng trang lứa điển hình được lựa chọn và huấn luyện có hệ thống để hỗ trợ học sinh RLPTK trong môi trường tự nhiên như lớp học hoặc sân chơi. Các bạn hỗ trợ này được dạy cách khởi xướng tương tác, phản hồi phù hợp và duy trì giao tiếp xã hội với học sinh RLPTK, nhằm tạo điều kiện cho các cơ hội học tập tích cực và mở rộng mạng lưới xã hội. PMII được xây dựng trên cơ sở giả định rằng học sinh học hỏi hiệu quả thông qua việc quan sát, bắt chước và tương tác với các bạn cùng lứa, đặc biệt khi được hỗ trợ trong môi trường bao dung và có cấu trúc (Neitzel, 2008).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Xác định từ khóa

Việc tìm kiếm các nghiên cứu được thực hiện trên 03 cơ sở dữ liệu chính (ERIC, Google Scholar và Springer). Dựa vào các khái niệm liên quan đã được trình bày ở trên, các từ khóa được xác định và kết hợp sử dụng để định hướng cho việc tìm kiếm tài liệu liên quan đến can thiệp KNXH cho học sinh RLPTK ở trường tiểu học thông qua phương pháp PMII.

Bảng 1. *Hệ thống các từ khóa tìm kiếm*

Các từ khóa tìm kiếm	
Thành phần 1	"autism" OR "pervasive developmental disorder" OR "Asperger"
Thành phần 2	"social skills" OR "social interaction" OR "social initiations" OR "social engagement"
Thành phần 3	"Peer-Mediated Instruction and Intervention" OR "PMII" OR "peer-mediated intervention" OR "PMI"
Thành phần 4	"elementary school" OR "primary school"
Thành phần 5	"School-based intervention"

3.2. Xác định và lựa chọn các nghiên cứu liên quan

Thứ nhất, Chúng tôi sử dụng dữ liệu của các nghiên cứu thực nghiệm, bán thực nghiệm về ứng dụng phương pháp hướng dẫn và can thiệp dựa vào bạn trong giáo dục KNXH cho học sinh RLPTK ở tiểu học. *Thứ hai*, chúng tôi chỉ sử dụng những bài báo gốc và đăng trên những tạp chí uy tín có bình duyệt. Để đạt được tính khoa học và cập nhật của các thực chứng khoa học, chúng tôi lựa chọn những nghiên cứu xuất bản trong vòng 10 năm từ 2015 đến 2025. Bảng tóm tắt tiêu chí lựa chọn các nghiên cứu được trình bày trong Bảng 2:

Bảng 2. *Tiêu chí lựa chọn các nghiên cứu*

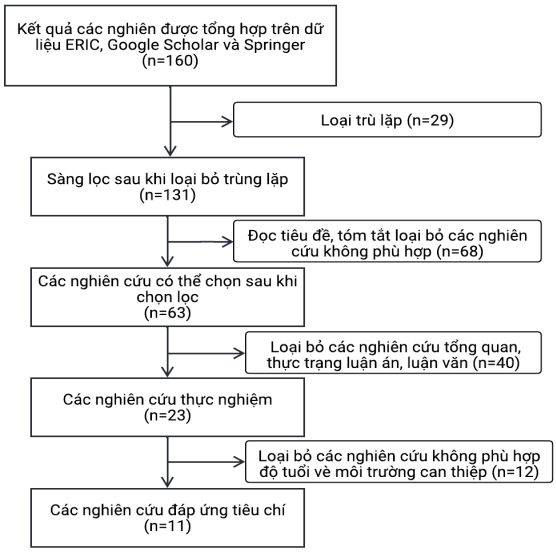
Tiêu chí	***Lựa chọn***	***Loại bỏ***
Thời gian	2015 - 2025	Nghiên cứu ngoài giới hạn thời gian này
Ngôn ngữ	Tiếng Anh	Các thứ tiếng khác
Loại bài báo	Bài báo gốc, đăng trên các tạp chí có phê duyệt	Không phải bài báo gốc và không được đăng trên các tạp chí bình duyệt, sách, luận án, luận văn
Nhóm mẫu	Nhóm tuổi là học sinh tiểu học từ 6-12 hoặc nhóm tuổi 6-12 chỉ là một phần của nhóm mẫu (như 3-15 hoặc 9-13…)	Ngoài nhóm tuổi 6-12 Những nhóm tuổi bao gồm một phần rất nhỏ của nhóm tuổi nghiên cứu (4-6, 12-17)
Chủ điểm của nghiên cứu	Các nghiên cứu về can KNXH cho học sinh RLPTK ở trường tiểu học thông qua phương pháp PMII	Các nghiên cứu không hướng đến KNXH cho học sinh RLPTK ở trường tiểu học thông qua phương pháp PMII
Thiết kế nghiên cứu	Nghiên cứu thực nghiệm	Nghiên cứu với thiết kế khác
Bối cảnh	Bối cảnh trường học	Tất cả những bối cảnh khác

Sau khi các tài liệu tham khảo được lựa chọn theo đúng tiêu chí, chúng tôi tiến hành phân tích, tổng hợp kết quả của các nghiên cứu này. Trên cơ sở đó, chúng tôi đưa ra một số đề xuất cho các nhà nghiên cứu tiếp theo ở Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Quá trình tìm kiếm và lựa chọn nghiên cứu được tiến hành thủ công qua ba cơ sở dữ liệu chính là ERIC, Google Scholar và Springer, thu được tổng cộng 160 nghiên cứu tiêu biểu được công bố từ năm 2015 đến năm 2025. Sau bước loại bỏ 29 nghiên cứu trùng lặp, 131 nghiên cứu được đưa vào sàng lọc. Tiếp theo, qua việc đọc tiêu đề và tóm tắt, 68 nghiên cứu không phù hợp về nội dung và đối tượng nghiên cứu bị loại bỏ, còn lại 63 nghiên cứu có tiềm năng. Trong số này, 40 nghiên cứu là các nghiên cứu tổng quan, luận văn, hoặc không có thiết kế thực nghiệm nên bị loại. 23 nghiên cứu thực nghiệm được giữ lại, sau đó tiếp tục loại 12 bài do không phù hợp về độ tuổi (không phải tiểu học) hoặc không nằm trong môi trường trường học. Cuối cùng, 11 nghiên cứu đáp ứng đầy đủ tiêu chí đã được đưa vào phân tích (xem ở Hình 1).



***Hình 1**. Sơ đồ chọn lọc các nghiên cứu*

Dựa trên các tiêu chí lựa chọn, chúng tôi tổng hợp 11 nghiên cứu thực nghiệm tiêu biểu về PMII cho học sinh RLPTK bậc tiểu học công bố từ 2015-2025, bao gồm: (1) Watkins và cộng sự (2022) áp dụng mô hình huấn luyện theo tầng kết hợp BST trong lớp học Title 1, cải thiện rõ rệt kỹ năng xã hội; (2) Chen (2022) tại Đài Loan sử dụng peer nhắc nhở - củng cố hành vi, tăng tính độc lập và mức độ tham gia lớp học; (3) Aldabas (2022) tại Ả Rập Xê Út hướng dẫn peer dẫn dắt trò chơi nhóm, giúp tăng đáng kể tương tác xã hội; (4) Vincent và cộng sự (2022) triển khai PRT trong giờ chơi nhằm cải thiện chơi hợp tác; (5) Boudreau và cộng sự (2021) tại Canada huấn luyện peer theo PRT, tăng hành vi khởi xướng và duy trì hiệu quả đến giai đoạn theo dõi; (6) Sutton và cộng sự (2021) tại Úc tích hợp "trạm xã hội" vào tiết học ngôn ngữ, thúc đẩy lượt khởi xướng - phản hồi; (7) Krier & Lambros (2021) thực hiện các phiên chơi một-một có cấu trúc, cải thiện kỹ năng chơi xã hội; (8) Shih và cộng sự (2019) áp dụng mô hình Remaking Recess theo thiết kế RCT, làm tăng tương tác tích cực và giảm hành vi không phù hợp; (9) Laghi và cộng sự (2018) quan sát tương tác trong ba nhóm bạn chơi khác nhau và ghi nhận tăng hội thoại tự phát; (10) Vincent và cộng sự (2017) với chương trình FRIEND Playground nâng cao mức độ hòa nhập và chủ động tương tác; và (11) Kamps và cộng sự (2015) - nghiên cứu RCT kéo dài 12 tuần - chứng minh hiệu quả mạnh mẽ của mạng lưới peer hỗ trợ giao tiếp đối với kỹ năng trò chuyện và tương tác xã hội. Hai nghiên cứu của Kamps và cộng sự (2015) và Shih và cộng sự (2019) nổi bật nhờ thiết kế thực nghiệm chặt chẽ. Nhìn chung, các nghiên cứu tập trung tại Mỹ, Canada, Úc, Đài Loan và Ý, chủ yếu ở nhóm tuổi 6 - 11 với tỷ lệ nam giới cao; sử dụng nhiều thiết kế đường cơ sở và một số thử nghiệm ngẫu nhiên; và hướng đến phát triển kỹ năng khởi xướng, phản hồi, duy trì tương tác trong bối cảnh tự nhiên. Các kết quả cho thấy PMII có hiệu quả và tính khả thi cao trong giáo dục KNXH cho học sinh RLPTK ở tiểu học, song vẫn cần được mở rộng tại các quốc gia đang phát triển với mẫu nghiên cứu đa dạng hơn.

4.2. Phân tích và bàn luận đánh giá các nghiên cứu

Phân tích 11 nghiên cứu trong bảng cho thấy PMII mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc cải thiện KNXH, hành vi lớp học và mức độ hòa nhập của học sinh RLPTK ở bậc tiểu học. Về phương pháp, đa số nghiên cứu áp dụng thiết kế thực nghiệm đơn (single-case experimental design), phổ biến nhất là thiết kế nhiều đường cơ sở (multiple baseline design) theo cá nhân, nhóm hoặc cặp, giúp kiểm soát biến số và xác định quan hệ nhân quả trong bối cảnh tự nhiên. Hai nghiên cứu có độ tin cậy cao là Shih và cộng sự (2019) và Kamps và cộng sự (2015) sử dụng thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng (RCT) với quy mô lớn (80 và 95 học sinh RLPTK), nâng cao khả năng khái quát hóa kết quả. Đối tượng nghiên cứu trải rộng từ 5 - 12 tuổi, quy mô mẫu dao động từ 2 đến 95 học sinh RLPTK, kèm theo số lượng peer được huấn luyện phù hợp. Bối cảnh triển khai chủ yếu tại các trường tiểu học công lập, với hoạt động can thiệp lồng ghép vào giờ học chính khóa (Watkins, Chen, Aldabas…) hoặc giờ chơi có cấu trúc (Vincent, Shih…), phản ánh tính khả thi và linh hoạt của PMII. Tần suất can thiệp phổ biến là 2 - 4 buổi/tuần, trong 4 - 12 tuần, mỗi buổi 15 - 30 phút, do giáo viên, nhân viên hỗ trợ hoặc bạn hỗ trợ - peer được đào tạo (qua các mô hình PRT, BST, video modeling, Remaking Recess…) thực hiện. Kết quả cho thấy phần lớn học sinh RLPTK tăng đáng kể tần suất khởi xướng, phản hồi, duy trì tương tác xã hội, cải thiện hành vi và tham gia tích cực hơn; một số nghiên cứu (Boudreau và cộng sự, 2021) ghi nhận hiệu quả duy trì. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế: 81,8% nghiên cứu không có nhóm đối chứng, 81,8% không phân phối ngẫu nhiên, 54,5% có mẫu ≤ 5 học sinh, và chỉ 9,1% đánh giá duy trì hiệu quả. Về phân bố địa lý, Mỹ chiếm 63,6% nghiên cứu, còn lại rải rác ở Canada, Úc, Đài Loan, Ả Rập Xê Út và Ý. Điều này cho thấy nghiên cứu PMII ở bậc tiểu học hiện vẫn tập

trung ở một số quốc gia, vùng lãnh thổ chủ yếu với quy mô nhỏ và thiếu kiểm soát chặt chẽ, cần được mở rộng cả về quy mô, bối cảnh văn hóa và thời gian theo dõi để củng cố bằng chứng và tăng tính ứng dụng trong giáo dục hòa nhập.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy PMII có thể được tích hợp linh hoạt vào giờ học chính khóa hoặc giờ chơi, với vai trò chủ chốt của giáo viên trong huấn luyện và giám sát bạn hỗ trợ. Trong bối cảnh Việt Nam, yếu tố này khả thi vì giáo viên tiểu học thường có thời gian gắn bó trực tiếp với lớp, tuy nhiên cần bổ sung nội dung huấn luyện KNXH vào chương trình bồi dưỡng giáo viên và xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn PMII phù hợp văn hóa. Các mô hình thành công ở Đài Loan và Ả Rập Xê Út - những quốc gia, vùng lãnh thổ có điểm tương đồng về cấu trúc lớp học và quan hệ giáo viên - học sinh - là minh chứng cho khả năng thích ứng của PMII tại Việt Nam.

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu đã cho thấy tác động tích cực của phương pháp PMII đối với việc phát triển KNXH của học sinh RLPTK, chẳng hạn như: tăng cường khả năng khởi xướng và duy trì tương tác với bạn bè, cải thiện kỹ năng giao tiếp chức năng, mở rộng vốn hành vi xã hội phù hợp, và nâng cao mức độ tham gia vào các hoạt động nhóm. Tuy nhiên, để xác định độ tin cậy của những kết quả tác động này, cần tiến hành đánh giá độ hiệu lực phương pháp của các nghiên cứu can thiệp. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng 11 tiêu chí do Nieminen và Sajaniemi (2016) đề xuất làm cơ sở để phân tích và đánh giá độ hiệu lực phương pháp của 11 nghiên cứu đã được tổng hợp.

***Bảng 3**. Tiêu chí đánh giá độ hiệu lực phương pháp của các nghiên cứu can thiệp*

Nghiên cứu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	Tổng điểm
Watkins và cộng sự (2022)	1	1	0	0	0	1	1	0	1	1	0	**6**
Chen (2022)	1	1	0	0	0	1	1	0	1	1	0	**6**
Aldabas (2022)	1	1	0	0	0	1	0	0	1	1	0	**5**
Vincent và cộng sự (2022)	1	1	0	0	0	1	1	0	1	1	0	**6**
Sutton và cộng sự (2021)	1	1	0	0	0	1	0	0	1	1	0	**5**
Krier & Lambros (2021)	1	1	0	0	0	1	1	0	1	1	0	**6**
Boudreau và cộng sự (2021)	1	1	0	0	0	1	1	0	1	1	0	**6**
Shih và cộng sự (2019)	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	**10**
Laghi và cộng sự (2018)	1	1	0	0	0	1	1	1	1	1	0	**6**
Vincent và cộng sự (2017)	1	1	0	0	0	1	0	0	1	1	0	**5**
Kamps và cộng sự (2015)	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	**10**

Kết quả đánh giá 11 nghiên cứu dựa trên 11 tiêu chí về độ hiệu lực phương pháp (theo Nieminen & Sajaniemi, 2016) cho thấy sự khác biệt đáng kể về chất lượng thiết kế nghiên cứu. Trong đó, hai nghiên cứu của Shih và cộng sự (2019) và Kamps và cộng sự (2015) đạt điểm cao nhất (10/11), phản ánh mức độ thực nghiệm nghiêm ngặt và độ tin cậy nội tại cao. Cả hai đều áp dụng thiết kế ngẫu nhiên có đối chứng (RCT), có phân phối ngẫu nhiên, sử dụng công cụ đo lường chuẩn hóa, và đánh giá rõ ràng hiệu quả can thiệp trong bối cảnh thực tế, cho phép khái quát hóa kết quả ở quy mô lớn. Phần lớn các nghiên cứu còn lại đạt 5 - 6/11 điểm, chủ yếu sử dụng thiết kế thực nghiệm đơn (single-case design), trong đó phổ biến là thiết kế nhiều đường cơ sở hoặc multiple probe. Những nghiên cứu này thường mô tả đầy đủ về bối cảnh can thiệp, quy trình triển khai và kết quả cải thiện hành vi xã hội của học sinh RLPTK. Tuy nhiên, chúng còn thiếu các yếu tố quan trọng như nhóm đối chứng, phân phối ngẫu nhiên, đo lường chuẩn hóa và đánh giá hiệu quả duy trì sau can thiệp, làm giảm mức độ khái quát và khả năng suy luận nhân quả.

Một số nghiên cứu như Aldabas (2022), Sutton và cộng sự (2021) và Vincent và cộng sự (2017) đạt điểm thấp hơn (5/11), chủ yếu do hạn chế trong cấu trúc thực nghiệm và quy trình đánh giá. Mặc dù vậy, các nghiên cứu này vẫn cung cấp những dữ liệu thực tiễn hữu ích trong bối cảnh giáo dục hòa nhập, đặc biệt tại các khu vực hoặc quốc gia còn thiếu hụt nghiên cứu can thiệp cho học

sinh RLPTK. Tổng thể, bảng đánh giá cho thấy phần lớn nghiên cứu PMII ở bậc tiểu học hiện nay vẫn dừng ở mức thiết kế thử nghiệm đơn với quy mô nhỏ và thiếu kiểm soát chặt chẽ. Điều này nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết cần mở rộng các nghiên cứu thực nghiệm chất lượng cao, có kiểm soát tốt và được thiết kế chặt chẽ hơn nhằm nâng cao giá trị khoa học và ứng dụng thực tiễn của PMII trong giáo dục hòa nhập.

5. Kết luận

Trong giai đoạn 2015 - 2025, các nghiên cứu thực nghiệm về phương pháp hướng dẫn và can thiệp dựa vào bạn (PMII) đã cho thấy xu hướng gia tăng rõ rệt trong việc ứng dụng phương pháp này nhằm phát triển KNXH cho học sinh RLPTK trong bối cảnh trường tiểu học. Phân tích tổng hợp các tài liệu cho thấy PMII thường được triển khai với tần suất 2 - 4 buổi mỗi tuần, kéo dài từ 4 đến 12 tuần, tập trung vào các hình thức như mạng lưới bạn bè, can thiệp giờ ra chơi, hoạt động nhóm có hướng dẫn,... Các nghiên cứu sử dụng thiết kế thực nghiệm - chủ yếu là thiết kế nhiều đường cơ sở, thử nghiệm đơn đối tượng hoặc RCT - đã chứng minh hiệu quả tích cực của PMII trong việc cải thiện hành vi xã hội, gia tăng tương tác ngang hàng, và giảm hành vi gây rối. PMII cũng được đánh giá cao về tính khả thi, mức độ chấp nhận của giáo viên, và khả năng tích hợp vào môi trường giáo dục hòa nhập. Nhìn chung, các bằng chứng trong vòng một thập kỷ qua khẳng định PMII là một chiến lược can thiệp hiệu quả, phù hợp với triết lý giáo dục lấy học sinh làm trung tâm, cần được tiếp tục nhân rộng và nghiên cứu sâu hơn trong thực tiễn trường học. Việc tiếp tục nghiên cứu, phát triển và phổ biến các chương trình PMII sẽ góp phần thiết thực vào việc xây dựng một môi trường học đường hòa nhập, thân thiện và phát triển cho tất cả học sinh, đặc biệt là học sinh RLPTK.

Tài liệu tham khảo

Aldabas, R. (2022). Effects of peer network intervention through peer led play on basic social communication skills of children with autism spectrum disorder in inclusive classroom. *Journal of Developmental and Physical Disabilities, 34*(6), 1121-1148. https://doi.org/10.1007/s10882-022-09840-1

American Psychiatric Association. (2013). *Diagnostic and statistical manual of mental disorders* (5th ed.). Washington, DC: Author. https://doi.org/10.1176/appi.books.9780890425596

Bass, J. D., & Mulick, J. A. (2007). Social play skill enhancement of children with autism using peers and siblings as therapists. *Psychology in the Schools, 44*(7), 727-735. https://doi.org/10.1002/pits.20261

Boudreau, A. M., Lucyshyn, J. M., Corkum, P., Meko, K., & Smith, I. M. (2021). Peer mediated Pivotal Response Treatment at school for children with autism spectrum disorder. *Canadian Journal of School Psychology, 36*(1), 34-50. https://doi.org/10.1177/0829573519870923

Carter, E. W., Asmus, J., Moss, C. K., Amirault, K. A., Biggs, E. E., Born, T. L., Hochman, J. M., & Vincent, L. B. (2014). Randomized evaluation of peer supports arrangements to support the inclusion of high school students with severe disabilities. *Exceptional Children, 81*(1), 23-42. https://doi.org/10.1177/0014402914532239

Chan, J. M., Lang, R., Rispoli, M., O'Reilly, M., Sigafoos, J., & Cole, H. (2009). Use of peer-mediated interventions in the treatment of autism spectrum disorders: A systematic review. *Research in Autism Spectrum Disorders, 3*(4), 876-889. https://doi.org/10.1016/j.rasd.2009.04.003

Chen, Y.-L. (2022). Implementation of a peer mediated intervention to teach behavioral expectations for two students on autism spectrum and a student with ADHD in an inclusive elementary classroom in Taiwan. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 54*(3), 852-870. https://doi.org/10.1007/s10803-022-05873-9

Gresham, F. M. (2015). Evidence-based social skills interventions for students at risk for EBD. *Remedial and Special Education, 36*(2), 100-104. https://doi.org/10.1177/0741932514556183

Gresham, F. M., & Elliott, S. N. (1990). *Social skills rating system*. Circle Pines, MN: American Guidance Service.

Nguyễn Thị Thu Hạnh (2017). Giáo dục kỹ năng xã hội qua trải nghiệm cho trẻ mầm non - Xu hướng thế giới và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (143), 115-118.

Kasari, C., Rotheram-Fuller, E., Locke, J., & Gulsrud, A. (2012). Making the connection: Randomized controlled trial of social skills at school for children with autism spectrum disorders. *Journal of Child Psychology and Psychiatry, 53*(4), 431–439. https://doi.org/10.1111/j.1469-7610.2011.02493.x

Kamps, D., Thiemann-Bourque, K., Heitzman-Powell, L., Schwartz, I., Rosenberg, N., Mason, R., & Cox, S. (2015). A comprehensive peer network intervention to improve social communication of children with autism spectrum disorders: A randomized trial in kindergarten and first grade. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 45*(6), 1809-1824.

Krier, J. C., & Lambros, K. M. (2021). Increasing joint attention and social play through peer mediated intervention: A single case design. *Psychology in the Schools, 58*(3), 494-514. https://doi.org /10.1002/pits.22460

Laghi, F., Lonigro, A., Pallini, S., & Baiocco, R. (2018, August). Peer buddies in the classroom: The effects on spontaneous conversations in students with autism spectrum disorder. In *Child & Youth Care Forum* (Vol. 47, No. 4, pp. 517-536). New York: Springer US.

Miller, M., Musser, E. D., Young, G. S., Olson, B., Steiner, R. D., & Nigg, J. T. (2015). Sibling recurrence risk and cross-aggregation of attention-deficit/hyperactivity disorder and autism spectrum disorder. *JAMA Pediatrics, 169*(11), 1095-1102. https://doi.org/10.1001/jamapediatrics.2015.1440

Munkhaugen, E. K., Gjevik, E., Pripp, A. H., Sponheim, E., & Diseth, T. H. (2017). School refusal behavior: Are children and adolescents with autism spectrum disorder at a higher risk? *Research in Autism Spectrum Disorders, 41*, 31-38. https://doi.org/ 10.1016/j.rasd.2017.07.001

Neitzel, J. (2008). *Overview of peer-mediated instruction and intervention for children and youth with autism spectrum disorders*. Chapel Hill, NC: The National Professional Development Center on Autism Spectrum Disorders, Frank Porter Graham Child Development Institute, The University of North Carolina. Retrieved from https://autisminternetmodules.org/up_doc/OverviewofPMII82008.pdf

Nieminen, S. H., & Sajaniemi, N. (2016). Mindful awareness in early childhood education. *South African Journal of Childhood Education, 6*, a399. http://dx.doi.org/10.4102/sajce.v6i1.399

Reichow, B., & Volkmar, F. R. (2010). Social skills interventions for individuals with autism: Evaluation for evidence based practices within a best evidence synthesis framework. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 40*(2), 149-166. https://doi.org/10.1007/s10803-009-0842-0

Shih, W., Dean, M., Kretzmann, M., Locke, J., Senturk, D., Mandell, D. S.,... & Kasari, C. (2019). Remaking recess intervention for improving peer interactions at school for children with autism spectrum disorder: Multisite randomized trial. *School Psychology Review, 48*(2), 133-144.

Silveira-Zaldivar, V. E. (2019). Examining the relationship between teacher attitudes, self-efficacy, and use of evidence-based practices for students with autism in inclusive classrooms [Doctoral dissertation, University of Central Florida]. STARS Institutional Repository. https://stars.library.ucf.edu/etd/6463

Sutton, B. M., Webster, A. A., & Westerveld, M. F. (2022). Classroom teachers' implementation of the Social Stations intervention to improve the verbal initiations and responses of students with autism. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 52*(3), 1268-1282. https://doi.org/10.1007/s10803-021-05042-4

Đỗ Thị Thảo, Hà Mai Hoa (2016). Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong trường mầm non hòa nhập. *Tạp chí khoa học Giáo dục*. Số 130, 60-62.

Vincent, J. A., Pennington, R. C., Reeve, K. F., & Boon, K. T. (2022). Evaluating the effectiveness of a reverse-inclusion Pivotal Response Treatment-based naturalistic social skills intervention implemented daily by school personnel. *Journal of Autism and Developmental Disorders*. Advance online publication. https://doi.org/10.1007/s41252-022-00299-x

Vincent, L. B., Openden, D., Gentry, J. A., Long, L. A., & Matthews, N. L. (2017, February 15). Promoting social learning at recess for children with ASD and related social challenges. *Behavior Analysis in Practice, 11*(1), 19-33. https://doi.org/10.1007/s40617-017-0178-8

Watkins, L., Fedewa, M., Hu, X., & Ledbetter-Cho, K. (2022). A teacher-facilitated peer-mediated intervention to support interaction between students with and without autism. *Advances in Neurodevelopmental Disorders, 6*(4), 353-365. https://doi.org/10.1007/s41252-022-00299-x

Zablotsky, B., Black, L. I., & Blumberg, S. J. (2015). Estimated prevalence of children diagnosed with autism spectrum disorder and associated characteristics: United States, 2014-2016. *National Health Statistics Reports, 87*, 1-23.

APPLICATION OF PEER-MEDIATED INSTRUCTION AND INTERVENTION IN SOCIAL SKILLS EDUCATION FOR STUDENTS WITH AUTISM SPECTRUM DISORDER IN PRIMARY SCHOOLS: LITERATURE REVIEW

Mai Thi Thanh Thuy

University of Education, Hue University

Author corresponding: Mai Thi Thanh Thuy - Email: maithithanhthuy@dhsphue.edu.vn

Article History: Received on 13th August 2025, Revised on 5th November 2025, Published on 7th November 2025

Abstract: Peer-Mediated Instruction and Intervention (PMII) is an effective strategy for supporting students with Autism Spectrum Disorder (ASD) in developing social skills within inclusive educational settings. This article reviews 11 experimental studies conducted in elementary school contexts, focusing on various forms of PMII, such as peer support groups, structured play, and peer-delivered social skills training. The findings indicate that PMII significantly enhances social interaction, as well as the initiation and response of communicative behaviors among students with ASD. The review underscores the pivotal role of teachers, the systematic preparation of peer mediators, and a supportive classroom environment in optimizing the effectiveness of the intervention. Furthermore, it highlights the potential for implementing this approach in Vietnamese elementary education.

Key words: Peer-Mediated instruction and intervention; autism spectrum disorder; social skills; elementary education; literature review.